

Bản án số: **37/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: **28/6/2023**

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và bà Phạm Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 53/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 6 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1980; ĐKKHKT và trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bị đơn: Anh Vũ Văn S, sinh năm 1976; ĐKKHKT: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện cư trú tại: Số nhà 105, tổ 3, ấp 3B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Trần Thị T trong đơn khởi kiện ngày 07/03/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Vũ Văn S kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND xã K, huyện K, là quê của chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 2, xã K. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn không giải quyết được nên chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Theo chị T nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mặc dù vợ chồng đã tìm cách khắc phục nhưng không cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2015, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng chị có 2 con chung là Vũ Thu H, sinh năm 1999 và Vũ Thị M, sinh năm 2000. Hiện các con đều đã tự lập, trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị T xác định vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Vũ Văn S trong bản tự khai ngày 24/5/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023 trình bày:

Anh và chị T chung sống với nhau năm 1997, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nên cuộc sống không hạnh phúc, từ đó mỗi người ở một nơi không ai quan tâm đến ai, sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Về con chung: Anh S cũng xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Vũ Thu H, sinh năm 1999 và Vũ Thị M, sinh năm 2000. Hiện các con đều đã tự lập, trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có nợ chung, từ năm 2015 cho đến nay mỗi người sống một nơi kinh tế tự lo, tài sản chung vợ chồng anh đã tự phân chia xong từ năm 2015 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm khởi kiện, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T với anh Vũ Văn S. Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Vũ Văn S, Đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; hiện tạm trú tại : số nhà 105, tổ 3, ấp 3B, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước anh S có đơn yêu cầu Tòa án huyện K giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh tại Tòa án nhân dân huyện K; căn cứ quy định tại điều 28 và 40 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Bị đơn anh Vũ Văn S đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ và anh S đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Vũ Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình

là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn,

Theo chị T thì nguyên nhân mâu thuẫn do do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mặc dù vợ chồng đã tìm cách khắc phục nhưng không cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2015, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống.

Về phía anh S cũng xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nên cuộc sống không hạnh phúc, từ đó mỗi người ở một nơi không ai quan tâm đến ai, sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn, do công việc anh không về tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án huyện K nên có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Như vậy hai bên trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giống nhau ; đều xác nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 hiện không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho các bên có thời gian tự trao đổi, cũng như hòa giải nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh S hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn anh S là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị T và anh S đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Vũ Thu H, sinh năm 1999 và Vũ Thị M, sinh năm 2000.

Hiện các con đều đã tự lập, trưởng thành nên cả hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết về vấn đề này.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh S đều xác nhận tài sản chung đã tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết .Do đó Tòa án không xem xét giải quyết về vấn đề này

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 16, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T với anh Vũ Văn S

2. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4810 ngày 10/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh